

Số: 123/2026/QĐST-VDS

Sơn La, ngày 13 tháng 01 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA
THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - SƠN LA

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 81, 82, 83, 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 184/2025/VDS-HNGĐ ngày 30/12/2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Vì Văn Đ, sinh ngày 06/9/1992. Số căn cước công dân: 014092011806. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi ở: Bản P, xã C, tỉnh Sơn La.

- Chị Vì Thị M, sinh ngày 20/5/1993. Số căn cước công dân: 014193009960. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi ở: Bản P, xã C, tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Vì Văn Đ và chị Vì Thị M kết hôn với nhau do cả hai cùng tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Sơn La vào ngày 27/4/2012.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn, phát sinh nhiều bất đồng quan điểm sống, cãi vã thường xuyên, tình cảm rạn nứt không còn hòa hợp. Anh chị đều nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, giữ nguyên yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận.

[2] Về con chung trong thời kỳ hôn nhân: Anh Vì Văn Đ và chị Vì Thị M có 02 con chung là cháu Vì Trà M1, sinh ngày 21/6/2013 và cháu Vì Gia B, sinh ngày

29/4/2018. Anh chị thống nhất: Giao cháu Trà M1, cháu Gia B cho anh V Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Trà M1, cháu Gia B đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Chị Vì Thị M tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Trà M1, cháu Gia B cùng anh Đ mức 2.000.000VNĐ/01 tháng/01 cháu, thời gian cấp dưỡng từ tháng 01/2026 đến khi cháu Trà M1, cháu Gia B trưởng thành.

Thỏa thuận về trách nhiệm nuôi dưỡng và mức cấp dưỡng nuôi con chung của hai anh chị là tự nguyện, phù hợp với điều kiện của người trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung chưa thành niên, vì vậy cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung vợ chồng: Không có.

[4] Về nợ chung vợ chồng: Không có.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh Đ, chị M là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có yêu cầu được miễn toàn bộ lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn nên thuộc trường hợp được miễn lệ phí Tòa án.

Xét thấy: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn ngày 05 tháng 01 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Vì Văn Đ và chị Vì Thị M.

- Về con chung: Giao cháu Vì Trà M1, sinh ngày 21/6/2013 và cháu Vì Gia B, sinh ngày 29/4/2018 cho anh V Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Trà M1, cháu Gia B đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Chị Vì Thị M tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Trà M1, cháu Gia B cùng anh Đ mức 2.000.000VNĐ/01 tháng/01 cháu, thời gian cấp dưỡng từ tháng 01/2026 đến khi cháu Trà M1, cháu Gia B trưởng thành.

Sau khi ly hôn, chị M được quyền thăm nom con, không ai được cản trở chị thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh chị có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung vợ chồng: Không có.
- Về nợ chung vợ chồng: Không có.
- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Miễn lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn cho anh Vì Văn Đ và chị Vì Thị M.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 4;
- UBND xã Lóng Phiêng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Tráng A Ténh